

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HC-ST

Ngày: 20/9/2018

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng
2. Bà Đặng Hồng Luyến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Duyên - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao
Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công
khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 19/2018/TLST-HC ngày 13
tháng 6 năm 2018, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HC ngày 30
tháng 8 năm 2018, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Lâm Ân T

Địa chỉ: Số 140, ấp 3, xã N, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Kim N (Theo Giấy ủy quyền ngày
28/5/2018)

Địa chỉ: Số 140, ấp 3, xã N, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến C – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch (có
đơn xin vắng mặt) (Theo văn bản ủy quyền số 2418/UBND-TCD ngày 25/6/2018)

Địa chỉ: Số 02, đường H, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang là ông Lê Quốc V

Địa chỉ liên hệ: Số 03, đường X, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D – Chức vụ: Phó Chủ tịch

Địa chỉ: Số 425, đường T khu vực 3, phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

(Theo Giấy ủy quyền số 1078/GUQ-UBND ngày 22/6/2018)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thanh N1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Kim N (Theo giấy ủy quyền ngày 19/9/2018)

Cùng địa chỉ: Số 140, ấp 3, xã N, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lâm Ẽn T là ông Lâm Kim N trình bày: Phần đất diện tích 64m², thuộc thửa 305, tờ bản đồ số 01, loại đất CNm, tọa lạc ấp T1, xã H1, thị xã V, tỉnh Cần Thơ (nay là phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang), là do ông Lâm Ẽn T và bà Nguyễn Thị Thanh N1 nhận chuyển nhượng từ là Võ Thị P, do làm ăn xa nên vợ chồng ông T ủy quyền cho ông N làm thủ tục chuyển nhượng với bà P. Phần đất này ông T và bà N1 đã làm thủ tục chỉnh lý sang tên vào ngày 03/6/2011 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00702, cấp ngày 06/5/2003, cấp cho bà Võ Thị P. Năm 2012, ông T đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất thành đất thổ cư trước khi có quyết định quy hoạch đất, nhưng gia đình ông T không được chuyển mục đích sử dụng đất, nên trên đất không có công trình nhà và không làm thủ tục di chuyển chỗ ở từ huyện Q, Kiên Giang đến thành phố V, tỉnh Hậu Giang được. Lỗi này là của cơ quan chức năng, gây thiệt thòi cho gia đình ông T.

Năm 2013, ông T nhận được Quyết định 1200/QĐ-UBND ngày 19/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, về việc quy hoạch đất và thông báo thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình: Khu dân cư và tái định cư chợ phường VII, thành phố V. Khi thu hồi đất của ông T là đất trống, không có xây dựng gì trên đất và cũng không có cây trồng gì. Sau đó ông nhận được Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của UBND thành phố V, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong đó có hộ ông Lâm Ẽn T. Do không đồng ý

với quyết định phê duyệt nêu trên, nên đến ngày 19/02/2016, ông Lâm Ứn T có đơn khiếu nại đến UBND thành phố V, yêu cầu nâng giá bồi thường đất trồng cây hàng năm từ đơn giá 202.950 đồng/m² lên đơn giá 2.000.000 đồng/m², yêu cầu giải quyết tái định cư và các chính sách kèm theo.

Ngày 27/5/2016, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2045/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông T. Sau đó, ông T nhận được Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc điều chỉnh bổ sung điều 1 Quyết định số 2045, nâng giá bồi thường lên 297.000đ/1m². Không đồng ý với quyết định giải quyết trên, ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, tuy nhiên Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018, vẫn giữ nguyên Quyết định số 2045 và Quyết định số 2738 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Nay ông T yêu cầu huỷ Quyết định 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V; huỷ một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V, phần liên quan đến hộ ông Lâm Ứn T. Đồng thời yêu cầu nâng giá đất bồi thường từ 202.950 đồng/m² lên 2.000.000đ/m², yêu cầu được hỗ trợ 01 nền tái định cư.

Người đại diện theo ủy quyền người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về trình tự thủ tục: Căn cứ thu hồi đất theo Điều 63 của Luật đất đai năm 2013, trình tự, thủ tục thu hồi đất thực hiện dự án theo Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011, thì Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết khiếu nại lần 1 và Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: UBND phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, xác nhận ông Lâm Ứn T bị ảnh hưởng đất trồng cây hàng năm, diện tích là 64m², hiện trạng là đất trồng, trên đất không có nhà, không có công trình, cây trồng, ông T không di chuyển chỗ ở. Căn cứ vào khoản 4 Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, điểm d khoản 1 Điều 26 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang thì trường hợp của ông Lâm Ứn T không thuộc đối tượng để giao đất ở tái định cư.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8 của Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang, tại thời điểm thực hiện dự án Khu dân cư và tái định cư chợ phường VII, UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 02/10/2015, đến ngày 01/6/2017 UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 972/QĐ-UBND thì giá đất thu hồi của ông T là 297.000 đồng/m² là đúng theo pháp luật. Nên yêu cầu nâng giá đất lên 2.000.000đ/m² là không có căn cứ.

Do vậy, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ẽn T, giữ nguyên nội dung của Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V là ông Nguyễn Việt D trình bày: Ông thống nhất với trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

Về yêu cầu nâng giá bồi thường đất trồng cây hàng năm từ đơn giá 202.950 đồng/m² lên đơn giá 2.000.000 đồng/m²: Thực hiện công trình Khu dân cư và tái định cư chợ phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, ông Lâm Ẽn T bị thu hồi 64m² đất trồng cây hàng năm đã được UBND thị xã V cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00702 ngày 06/5/2003 (thuộc vị trí còn lại đường Trần Hưng Đạo, đoạn từ Trạm Y tế phường VII đến cầu Rạch Gốc). Phương án phê duyệt tại Quyết định số 152 ngày 19/01/2016 của UBND thành phố V, ông T được bồi thường 64m² x 202.905 đồng/m² = 12.988.800 đồng là đúng vị trí và đơn giá theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh Hậu Giang quyết định tại thời điểm thu hồi đất (Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang) theo quy định tại Điều 8 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang. Do đó, việc ông T yêu cầu nâng giá bồi thường đất trồng cây hàng năm từ đơn giá 202.950 đồng/m² lên đơn giá 2.000.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, ngày 01/6/2017 UBND tỉnh Hậu Giang điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, phần đất của ông T có thay đổi từ đơn giá 202.950 đồng/m² lên đơn giá 297.000 đồng/m².

Về yêu cầu giải quyết tái định cư: Ông Lâm Ẽn T bị thu hồi 64m² đất trồng cây hàng năm, không bị ảnh hưởng nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở. Do đó ông T không được xem xét giải quyết tái định cư theo quy định tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang. Nên yêu cầu của ông T về việc giải quyết cho ông 01 nền tái định cư là không có cơ sở xem xét.

Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 2045/QĐ-UBND của Chủ tịch

UBND thành phố V; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh N1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông Lâm Kim N. Bà đồng ý với yêu cầu hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 và Quyết định số 2045/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V; hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V, phần liên quan đến hộ ông Lâm Ẽn T, yêu cầu nâng giá đất lên 2.000.000đ/m², yêu cầu được hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Ẽn T yêu cầu nâng giá bồi thường theo giá đã chuyển nhượng năm 2012 với số tiền là 130.000.000 đồng, yêu cầu được cấp 01 nền tái định cư.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ẽn T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, căn cứ vào khoản 4 Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, điểm d khoản 1 Điều 26 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ẽn T, yêu cầu hủy một phần quyết định phê duyệt phương án bồi thường, phần liên quan đến hộ ông Lâm Ẽn T; quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định điều chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại, xét thấy:

- Về trình tự thủ tục tổ tụng của Tòa án và của Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng trình tự quy định của Luật tổ tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ẽn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; qua thẩm tra tại phiên tòa; Lời trình bày của các đương sự; ý kiến luật sư, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Lâm Ẽn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang huỷ Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 và Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V; huỷ một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V, phần liên quan đến hộ ông Lâm Ẽn T, yêu cầu nâng giá đất lên 2.000.000đ/m², yêu cầu được hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông T. Xét đơn khởi kiện của ông T làm và nộp đúng theo quy định tại Điều 115, Điều 116, Điều 118, Điều 119 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật là đúng thẩm quyền.

Xét đơn khởi kiện của ông Lâm Ẽn T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2] Về thẩm quyền ban hành các quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, thì Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 là đúng thẩm quyền.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011, thì Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 để điều chỉnh Quyết định số 2045; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 để giải quyết khiếu nại lần 2, là đúng thẩm quyền.

[3] Về hình thức và trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

- Về hình thức văn bản: Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2016, Quyết định 2738/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành đúng hình thức theo Điều 31 và Điều 40 của Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của UBND thành phố V ban hành là đúng nội dung, hình thức.

- Về trình tự, thủ tục:

Căn cứ vào Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 thì UBND thành phố V ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 là đúng trình tự, thủ tục.

Chủ tịch UBND thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tiến hành các bước thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, đối thoại, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2016, Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017, Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 và công bố quyết định theo đúng Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 41 của Luật khiếu nại năm 2011; Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 10, Điều 14, Điều 21, Điều 22 của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Khoản 1, Khoản 7 Điều 1 của Thông tư 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.

**[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ân T, Hội đồng xét xử xét thấy:
Về yêu cầu nâng giá đất từ giá 297.000 đồng/m² lên 2.000.000 đồng/m²:**

Ông Lâm Ân T bị ảnh hưởng phần đất diện tích 64m², thuộc thửa 305, tờ bản đồ số 01, loại đất CNm, tọa lạc ấp Thị Tứ, xã Hòa Lự, thị xã V, tỉnh Cần Thơ (nay là phường VII, thành phố V, tỉnh Hậu Giang), có nguồn gốc đất năm 2012 theo Hợp đồng chuyển nhượng từ bà Võ Thị Phi cho ông Lâm Ân T và bà Nguyễn Thị Thanh N1. Tuy nhiên, UBND thành phố V, tỉnh Hậu Giang chỉ bồi thường cho ông T với giá 297.000 đồng/m² nên ông không đồng ý, ông yêu cầu nâng giá bồi thường cho ông với giá 2.000.000 đồng/m².

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 4, Điều 18 của Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 7 của Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Điều 8 của Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, thì giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất. Trong dự án này UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, ông Lâm Ân T được áp giá đất cụ thể là 202.950 đồng/m², đến ngày 01/6/2017 UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 để điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, ông T được áp giá đất cụ thể là 297.000 đồng/m². Xét thấy giá đất cụ thể này đã được Hội đồng thẩm định giá điều tra, khảo sát theo giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất và được UBND tỉnh Hậu Giang quyết định là phù hợp với

quy định hiện hành. Do đó, yêu cầu của ông T về việc nâng giá đất từ giá 297.000 đồng/m² lên 2.000.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét.

Về yêu cầu được cấp 01 nền tái định cư:

Theo giấy chứng nhận QSDĐ của ông T và bà N1, thì phần đất của ông, bà là loại đất CNm (loại đất hằng năm) nên không phải thu hồi đất ở, khi thu hồi không có nhà ở, vật kiến trúc, cây trồng trên đất nên không phải di chuyển chỗ ở, không có hộ khẩu tại địa phương. Nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ tái định cư theo Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật đất đai năm 2013, Điều 11, Điều 27, Điều 31 của Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang. Do đó, ông T yêu cầu được cấp 01 nền tái định cư là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, xét thấy các yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ẽn T là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm, ông Lâm Ẽn T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 118, Điều 119, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 3, khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Điều 32, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

Khoản 1 Điều 28 của Nghị định 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Khoản 5 Điều 4, Điều 18 của Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ẽn T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang huỷ Quyết định 257/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; Quyết định 2738/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định số 2045/QĐ-

UBND ngày 27/5/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V; hủy một phần Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 19/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V, phần liên quan đến hộ ông Lâm Ẽn T. Và yêu cầu nâng giá đất bồi thường từ 297.000 đồng/m² lên 2.000.000đ/1m², yêu cầu được hỗ trợ 01 nền tái định cư.

Án phí hành chính sơ thẩm ông Lâm Ẽn T phải chịu 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp (do bà Nguyễn Thị Thanh N1 nộp thay) theo biên lai thu số 0017218 ngày 13/6/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 20/9/2018. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THA DS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Thị Bích Hạnh